

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm tiếp tục lên theo triều trong 2-3 ngày tới, sau đó xuống chậm; mực nước thấp nhất ngày tiếp tục lên trong 2-3 ngày tới, sau đó xuống theo triều.
- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày tại các trạm tiếp tục lên trong 2-3 ngày tới, sau đó xuống chậm.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 31/3 đến 04/4/2022

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		30/3	So với cùng kỳ 2021	So với TBNN	31/3	01/4	02/4	03/4	04/4
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max Min	1.32 -0.17	-0.05 -0.09	0.33 -0.20	1.37 -0.16	1.40 -0.10	1.42 -0.04	1.41 -0.09	1.38 -0.12
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max Min	1.37 -0.29	0.02 -0.03	0.39 -0.04	1.42 -0.28	1.45 -0.22	1.47 -0.16	1.46 -0.21	1.43 -0.24
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max Min	1.15 0.29	0.11 0.06	0.18 -0.01	1.20 0.30	1.23 0.33	1.25 0.36	1.25 0.31	1.23 0.28
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max Min	1.49 -0.14	0.06 -0.02	0.46 -0.10	1.54 -0.13	1.57 -0.07	1.59 -0.01	1.58 -0.06	1.55 -0.09
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max Min	1.50 -0.30	-0.05 -0.06	0.39 0.04	1.55 -0.29	1.58 -0.23	1.60 -0.17	1.59 -0.22	1.56 -0.25
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max Min	1.46 -0.23	0.06 -0.04	0.44 -0.07	1.51 -0.22	1.54 -0.16	1.56 -0.10	1.55 -0.15	1.52 -0.18
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max Min	0.57 0.32	0.18 0.15	0.25 0.23	0.58 0.33	0.60 0.35	0.63 0.38	0.62 0.37	0.60 0.35
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max Min	0.47 0.41	0.21 0.19	0.21 0.17	0.48 0.42	0.50 0.44	0.53 0.47	0.52 0.46	0.50 0.44
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max Min	0.57 0.31	0.19 0.14	0.24 0.19	0.58 0.32	0.60 0.34	0.63 0.37	0.62 0.36	0.60 0.34
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max Min	0.71 0.53	0.18 0.13	0.43 0.33	0.72 0.54	0.74 0.56	0.77 0.59	0.76 0.58	0.74 0.56
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max Min	0.44 0.32	0.17 0.15	0.26 0.20	0.45 0.33	0.47 0.35	0.50 0.38	0.49 0.37	0.47 0.35
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max Min	0.80 0.62	0.19 0.12	0.36 0.31	0.81 0.63	0.83 0.65	0.86 0.68	0.85 0.67	0.83 0.65
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max Min	1.06 0.61	0.16 0.15	0.43 0.27	1.07 0.62	1.09 0.64	1.12 0.67	1.11 0.66	1.09 0.64
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max Min	0.78 0.54	0.17 0.13	0.24 0.19	0.79 0.55	0.81 0.57	0.84 0.60	0.83 0.59	0.81 0.57

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 31/3/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan